

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý
chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-STNMT ngày ... tháng ... năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Tài Chính, Chủ tịch UBND các huyện và thành phố, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Y tế;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các cơ sở Y tế trên địa bàn tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tiến

KẾ HOẠCH

**Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích:

- Triển khai thực hiện các quy định về công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang.
- Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải y tế nguy hại, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự phát triển kinh tế-xã hội bền vững của tỉnh.

II. Yêu cầu:

- Các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại; công trình xử lý chất thải y tế nguy hại phải đáp ứng yêu cầu theo quy định.
- Các cơ sở y tế phải bố trí nguồn lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý chất thải y tế nguy hại của cơ sở.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

**I. TỔNG QUAN VỀ CÁC CƠ SỞ Y TẾ, CHẤT THẢI Y TẾ VÀ
CÔNG TÁC QUẢN LÝ, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ TẠI CÁC CƠ SỞ Y
TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

1.1. Tổng quan về các cơ sở y tế (CSYT) trên địa bàn tỉnh

1.1.1. Tuyển tỉnh

Trên địa bàn tỉnh có tất cả 12 đơn vị y tế cấp tỉnh.

- Hệ điều trị: Có 05 bệnh viện (Bệnh viện Đa khoa tỉnh 420 giường; Bệnh viện Y - Dược cổ truyền 120 giường, Bệnh viện Lao & bệnh Phổi 100 giường, Bệnh viện Phục hồi chức năng 80 giường, Bệnh viện Mắt 50 giường);
- Hệ Y tế dự phòng 03 đơn vị;
- Các đơn vị chuyên ngành 04 đơn vị.

1.1.2. Tuyển huyện

Trên địa bàn tỉnh có tất cả 52 đơn vị y tế cấp huyện với tổng số giường bệnh 2.058 giường. Trong đó:

- Hệ dự phòng có 11 trung tâm y tế huyện, thành phố;
- Hệ điều trị là các CSYT trực tiếp khám chữa và điều trị bệnh cho người dân, gồm: 03 Bệnh viện đa khoa khu vực (BVĐKKV) liên huyện với tổng số 790 giường bệnh; 08 Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tuyến huyện với tổng số 895 giường bệnh.
- Đơn vị chuyên ngành gồm 11 trung tâm tâm Dân số - KHHGĐ (Trực thuộc Chi cục DS - KHHGĐ).
- Phòng khám đa khoa khu vực (PKĐKKV) có 19 cơ sở với tổng số 373 giường bệnh.

1.1.3. Tuyến xã

Toàn tỉnh có 177 Trạm y tế (TYT) xã/phường/thị trấn với tổng số 798 giường bệnh, đơn vị quản lý trực tiếp là Trung tâm y tế các huyện/thành phố. Trong đó: Thành phố có 8 TYT; huyện Bắc Quang có 21 TYT; huyện Vị Xuyên có 23 TYT; huyện Quang Bình có 14 TYT; huyện Xín Mần có 18 TYT; huyện Hoàng Su Phì có 22 TYT; huyện Bắc Mê có 11 TYT; huyện Yên Minh có 16 TYT; huyện Quản Bạ có 11 TYT; huyện Đồng Văn có 17 TYT; huyện Mèo Vạc có 16 TYT.

1.1.4. Cơ sở y tế tư nhân

Theo số liệu thống kê và điều tra đến 2017, trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang có 80 cơ sở hành nghề Y tế tư nhân (trừ các phòng chuẩn trị y học cổ truyền; cơ sở dịch vụ đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; cơ sở dịch vụ hỗ trợ vận chuyển; cơ sở dịch vụ làm răng giả). Các phòng khám tư nhân tập trung nhiều ở khu vực thành phố Hà Giang và các huyện Bắc Quang, Vị Xuyên. Trong đó, khu vực thành phố Hà Giang có 39 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân (01 bệnh viện tư nhân, 04 phòng khám đa khoa và 34 phòng khám chuyên khoa), khu vực huyện Bắc Quang có 12 PKTN (04 phòng khám đa khoa và 08 phòng khám chuyên khoa), khu vực huyện Vị Xuyên có 09 PKTN (09 phòng khám chuyên khoa). Các PKTN còn lại thuộc các huyện Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Đồng Văn, Mèo Vạc, Bắc Mê, Yên Minh và Quản Bạ.

Xét trong các cơ sở y tế tư nhân, có Bệnh viện đa khoa tư nhân Đức Minh (được thành lập vào tháng 05/2017, sau khi chuyển đổi từ Phòng khám đa khoa Đức Minh) có quy mô 35 giường bệnh. Còn lại, các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân chỉ khám chữa bệnh (chẩn đoán, siêu âm, khám răng...), không điều trị lâu ngày, nên không có giường bệnh.

1.2. Số lượng, loại chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

1.2.1. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế

Theo số liệu kết quả điều tra phân loại, xác định khối lượng, thành phần chất thải y tế nguy hại (CTYT/NH) phát sinh thực tế tại các cơ sở y tế năm 2017, tỉnh Hà Giang có tổng khối lượng chất thải rắn y tế (CTRYT) là 2.463,36

kg/ngày; trong đó, có 41,33 kg CTYTNH/ngày (chiếm 16,82%) và 2.049,03 kg chất thải rắn thông thường (CTYT TT)/ngày (chiếm 83,16%).

Khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang được tổng hợp trong bảng dưới đây:

TT	Tuyến cơ sở y tế	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
		CTYT TT	CTYTNH	Tổng CTRYT
1	Cơ sở y tế tuyến tỉnh	680,20	126,81	807,01
2	Cơ sở y tế tuyến huyện	1.160,82	211,48	1.372,30
3	Cơ sở y tế tuyến xã	182,21	69,13	251,34
4	Cơ sở y tế tư nhân	25,80	6,91	32,71
Tổng		2.049,03	414,33	2.463,36

1.2.2. Loại chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế

Kết quả điều tra, thống kê cho thấy, CTYTNH phát sinh tại các CSYT trên địa bàn tỉnh, phân loại theo thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, có thành phần và tỷ lệ % như sau:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn chiếm tỷ lệ 41,11%;
- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn chiếm tỷ lệ 47,68%;
- Chất thải giải phẫu chiếm tỷ lệ 2,53%;
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn chiếm tỷ lệ 7,54%;
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng chiếm tỷ lệ 0,8%.

1.3. Hiện trạng công tác quản lý và năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh

1.3.1. Hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh

* Công tác thu gom, phân loại chất thải y tế nguy hại:

Hầu hết các CSYT đều phân loại CTYTNH tại nguồn và tại nơi phát sinh chất thải theo yêu cầu quy định, bố trí bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế để phục vụ công tác thu gom, phân loại. Một số ít cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến xã, tư nhân không phân loại chất thải theo các thành phần quy định, bố trí thiết bị thu gom không tuân thủ đúng quy định và chưa đảm bảo an toàn. Ở các CSYT tuyến xã, lượng chất thải phát sinh là khá ít nên việc tuân thủ các quy định về phân loại chất thải y tế còn sơ sài.

* Công tác vận chuyển nội bộ chất thải y tế nguy hại:

Phần lớn các CSYT áp dụng phương thức vận chuyển thủ công, xách tay CTYTNH từ nơi phát sinh đến khu vực lưu giữ, xử lý. Riêng tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện, khối lượng CTYTNH phát sinh nhiều, đã được trang

bị xe đẩy tay để vận chuyển CTYTNH. Nhân lực tham gia đều được trang bị phương tiện bảo hộ lao động.

* Công tác lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

- Tại các CSYT tuyến tỉnh:

Có 10 đơn vị cơ sở y tế phát sinh CTNH, trong đó 6 đơn vị y tế có khu vực lưu giữ chất thải y tế riêng biệt. Còn 4 CSYT không xây khu riêng biệt, chỉ là lưu giữ tạm ở sân bê tông có mái che và tường gạch bao quanh hoặc trong khu vực bệnh viện hoặc trung tâm. Đối với CSYT tại tuyến tỉnh, chỉ có BVĐK tỉnh Hà Giang và Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh Hà Giang đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ chất thải y tế. Đối với các CSYT còn lại, một số yêu cầu hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo.

Các dụng cụ, thiết bị lưu giữ CTYTNH tại khu lưu giữ chất thải trong các CSYT cấp tỉnh đa số đã tuân thủ theo quy định tại Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BNTMT. Nhưng có một số cơ sở như Bệnh viện phục hồi chức năng thì sử dụng túi nilon để lưu giữ chất thải không đạt yêu cầu theo quy định, nhà lưu trữ chất thải không có biển chỉ dẫn, hiện trạng xuống cấp cần được cải tạo lại.

- Tại các CSYT tuyến huyện:

Có 25/132 cơ sở có khu lưu giữ riêng biệt. Một số CSYT có vị trí lưu giữ ở khu vực lò đốt hoặc khu vực kho gần phòng khám, khu vực kiểm soát nhiễm khuẩn của cơ sở, khu vực tập trung chất thải của cơ sở. Đánh giá chung, khu vực lưu giữ CTYTNH tại các CSYT tuyến huyện chưa tuân thủ theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định theo Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Các dụng cụ, thiết bị lưu giữ CTYTNH tại khu lưu giữ chất thải trong các CSYT cấp huyện cơ bản đã tuân thủ theo quy định tại Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BNTMT. Tuy nhiên, một số CSYT không có thùng lưu giữ, chỉ đựng trong túi nilon hoặc thùng tạm.

- Tại các CSYT tuyến xã:

Hầu hết các trạm y tế không có khu vực lưu giữ CTYTNH riêng biệt. CTYTNH phát sinh tại trạm y tế được phân loại, lưu giữ tạm trong hộp an toàn, túi nilon hoặc thùng carton trong phòng khám bệnh, đến cuối ngày vận chuyển chất thải đi đốt hoặc đưa đi xử lý. Ngoài ra, có 24/177 trạm y tế lưu giữ CTYTNH tại lò đốt rác hoặc khu vực riêng biệt nằm trong khuôn viên trạm y tế.

1.3.2. Hiện trạng năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh

Trên địa bàn tỉnh Hà Giang, hiện chưa có đơn vị nào đủ chức năng xử lý CTYTNH.

Hiện nay, tại các bệnh viện lớn cấp tỉnh, cấp huyện đã đầu tư hệ thống xử lý CTRYT bằng công nghệ đốt, ngoài ra có một số bệnh viện đã sử dụng công nghệ không đốt (ma sát âm, nghiền...) để xử lý tại chỗ CTRYT. Tất cả các công trình thiết bị xử lý CTYTNH đều đặt trong khuôn viên của các bệnh viện.

- Tại các CSYT tuyến tỉnh: Các CSYT đã có công trình xử lý CTR y tế bao gồm: 03 CSYT thuộc hệ điều trị (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang, Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang) và 01 CSYT thuộc hệ dự phòng (Trung tâm phòng chống HIV/AIDS). Các công nghệ xử lý chất thải y tế được áp dụng tại tuyến tỉnh:

+ Công nghệ máy STERIL WAVE 250: sử dụng công nghệ vi sóng, tích hợp máy cắt bên trong khoang xử lý;

+ Công nghệ CELITRON-IS25: Thiết bị diệt khuẩn tích hợp nghiền cắt cùng trong khoang xử lý;

+ Lò đốt chất thải y tế chuyên dụng (CP10).

- Tại các CSYT tuyến huyện, các CSYT tự xử lý CTR y tế bao gồm: 08 bệnh viện đa khoa tuyến huyện ở Bắc Mê, Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Quang Bình, Vị Xuyên, Xín Mần, Nà Chì; 03 bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh, Bắc Quang, Hoàng Su Phì; 17/19 phòng khám đa khoa (trừ phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài và phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang). Công nghệ được áp dụng tại các CSYT tự xử lý chất thải gồm:

+ Lò đốt LD40: Xử lý các loại chất thải y tế và hiệu quả xử lý đạt 80%;

+ Lò đốt LD40B 2 buồng đốt: Xử lý các CTYTNH, hiệu quả xử lý đạt 100%;

+ Hệ thống xử lý rác thải NEWSTER NW5L: Ma sát ẩm với hệ thống nghiền cắt tích hợp trong khoang khử khuẩn;

+ Lò FE - 15 (Chu Wastar 2 buồng - Nhật Bản);

+ Lò CP10.

- Tại các CSYT tuyến xã: Có 13/177 trạm y tế không tự xử lý chất thải tại chỗ, các cơ sở này thuê đơn vị khác xử lý; Có 162/177 CSYT tự xử lý chất thải, chủ yếu bằng phương pháp đốt (lò đốt thủ công bằng gạch hoặc bằng xi măng); trạm y tế xã Sơn Vĩ – huyện Mèo Vạc xử lý CTYTNH bằng phương pháp đốt tự nhiên; trạm y tế xã Đản Ván – huyện Hoàng Su Phì xử lý CTYTNH bằng phương pháp đốt trong lò đốt chung của xã.

- Tại các CSYT tư nhân: Trong tổng số 80 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, có 58 phòng khám phát sinh rất ít chất thải, 22 phòng khám tư nhân không phát sinh CTYTNH, chỉ phát sinh chất thải y tế thông thường. Các cơ sở không đầu tư hệ thống xử lý chất thải mà chủ yếu là thuê đơn vị khác xử lý.

Công nghệ xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện có thể xử lý được nhiều loại chất thải y tế như bông băng; vật liệu làm từ cotton và cotton cellulose, ống kim tiêm, ống dây dẫn truyền dịch; ống thông (bàng quang, tĩnh mạch, động mạch ...); các bộ lọc thẩm tách; lọ và ống tiêm dùng 1 lần hoặc ống tiêm đa năng; Găng tay y tế dùng 1 lần hoặc nhiều lần; các túi nhựa dùng 1 lần; các chất thải dùng trong phẫu thuật; rác thải từ thức ăn ít nước; các loại băng gạc và bông y tế, túi truyền máu, túi truyền dịch, túi truyền chất dinh

đường; các loại phim chụp, lọ nhựa, lọ thủy tinh,... Các loại chất thải y tế phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đều nằm trong khả năng xử lý của các hệ thống xử lý tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện.

Hiện trạng công nghệ xử lý chất thải y tế nguy hại tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

TT	Tên cơ sở y tế	Khối lượng CTYTNH phát sinh (kg/ngày)	Công nghệ xử lý, công suất	Năng lực xử lý CTRYTNH trong 8 giờ (kg)	Khả năng tiếp nhận CTRYTNH từ các cơ sở y tế khác (kg)
1 ^(*)	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hà Giang	100	Công nghệ máy STERIL WAVE 250 công suất 37 - 38 kg/giờ	296	196
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	11,5	Không tự xử lý	-	-
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	6,5	Lò đốt CP10, công suất 10 – 15kg/giờ	120	113,5
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	0,55	Không tự xử lý	-	-
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	6,5	Lò đốt CP10, công suất 10 – 15kg/giờ	120	113,5
6 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	18,75	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	181,25
7 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang	48	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	152
8 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	7,5	Lò đốt CP10, công suất 10-15 kg/giờ	120	112,5
9 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần	13	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	187
10 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	2	Lò đốt thủ công, công suất 3 kg/giờ	24	22
11 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Hoàng Su Phì	13,5	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	186,5
12 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	5,3	NEWSTER NW5L 13 kg/giờ	54	48,7

TT	Tên cơ sở y tế	Khối lượng CTYTNH phát sinh (kg/ngày)	Công nghệ xử lý, công suất	Năng lực xử lý CTRYTN H trong 8 giờ (kg)	Khả năng tiếp nhận CTRYTNH từ các cơ sở y tế khác (kg)
13 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ	17	Lò đốt CHUWASTAR FE-15, công suất 15-20 kg/giờ	120	103
14 ^(*)	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	30	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	170
15 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	5,2	Lò đốt CHUWASTAR FE-15, công suất 15-20 kg/giờ	160	154,3
16 ^(*)	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	21	Đốt thủ công trong hố bê tông, công suất 5 kg/giờ	40	19
Tổng^(*)				2.054	1.532,25

(Ghi chú: Dấu ^(*) là các bệnh viện xử lý CTYTNH theo các cụm – chi tiết mục 2.1.1)

Theo khối lượng, năng lực xử lý CTYT của 12 bệnh viện (dấu ^(*)) ở trên trong trường hợp hệ thống xử lý hoạt động 8h/ngày là 2.054 kg/ngày, khả năng tiếp nhận CTRYTNH từ các cơ sở y tế khác của 12 bệnh viện lên tới **1.532,25** kg/ngày. Như vậy, xét về khối lượng, với tổng lượng CTYTNH phát sinh 414,33 kg/ngày trên địa bàn tỉnh hiện nay thì 12 bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện nêu trên hoàn toàn đủ khả năng xử lý. Tuy nhiên, một số lò đốt thủ công hiệu suất xử lý không cao, không đảm bảo môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh, cần được đầu tư mới (Các công nghệ không đốt) trong thời gian tới (Bệnh viện Đa khoa Nà Chì, Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình, Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn, Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ, Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc).

Nhiệm vụ Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải Y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh (năm 2017) đã thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích khí thải lò đốt chất thải y tế của một số bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện đối với các thông số nhiệt độ, bụi tổng, CO, NO, NO_x, SO₂, Pb, Cd cho thấy: Không phát hiện NO, Pb, Cd trong khí thải. Đối với các thông số khác, kết quả phân tích như sau:

TT	Vị trí	Nhiệt độ	Bụi tổng	CO	NO _x	SO ₂
		(⁰ C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
1	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	158	120	237	295	322
2	Khí thải lò đốt Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	165	53	147	211	209
3	Khí thải lò đốt Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	162	47	159	208	217
4	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	170	119	220	275	322
5	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ	160	45	168	210	215
6	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	165	44	152	205	210
7	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	187	123	229	290	352
QCVN 02:2012/BTNMT (cột B)		≤180	115	200	300	300

Từ kết quả phân tích chất lượng khí thải lò đốt tại các cơ sở y tế có thể thấy có 4 cơ sở có công trình xử lý CTYTNH đạt QCVN 02:2012/BTNMT cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, các cơ sở còn lại công trình xử lý CTYTNH chưa đạt quy chuẩn.

II. KẾ HOẠCH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

2.1. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh

Căn cứ theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025 và Quyết định số 1575/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ngày 11/8/2014 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025. Trên địa bàn tỉnh Hà Giang sẽ tiến hành xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chi tiết tại mục 2.1.1 dưới đây) và xử lý tại chỗ (chi tiết tại mục 2.1.2 dưới đây).

Đối với các bệnh viện đã đầu tư hệ thống xử lý công nghệ không đốt sẽ tiến hành kế hoạch mô hình cụm.

Đối với các bệnh viện có lò đốt đạt chuẩn (theo kết quả quan trắc khí thải đã trình bày ở trên: Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang, Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang, Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ, Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình), có thể tiếp tục sử dụng lò đốt để xử lý CTYTNH đến khi được đầu tư, thay thế bằng công nghệ xử lý không đốt.

2.1.1. Đối với các cơ sở xử lý theo mô hình cụm

Áp dụng với các CSYT trên địa bàn tỉnh, trừ Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang; Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang và Trung tâm phòng chống HIV/AIDS (Các CSYT này áp dụng mô hình xử lý CTYTNH tại chỗ). Chất thải y tế của một cụm CSYT được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm. Các CSYT không có hệ thống, thiết bị xử lý CTYTNH theo quy định sẽ vận chuyển chất thải y tế của cơ sở mình đến cơ sở tiếp nhận xử lý trong cụm.

Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, gồm 12 cụm, cụ thể gồm:

*** Cụm 1:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang;
- Năng lực xử lý: Khử khuẩn CTYTNH bằng công nghệ Vi sóng tích hợp nghiền cắt trong cùng khoang xử lý, sử dụng Công nghệ máy STERIL WAVE 250 công suất 37 - 38 kg/giờ. Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 1 là 119,54 kg/ngày thì thiết bị xử lý của BVĐK tỉnh Hà Giang hoàn toàn đủ khả năng xử lý;
- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Bệnh viện Mắt, Bệnh viện đa khoa Đức Minh, các bệnh viện, trung tâm y tế, TYT xã, phường, và các CSYT khác trên địa bàn TP Hà Giang và CTYTNH phát sinh tại các xã Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh thuộc huyện Vị Xuyên và xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc thuộc huyện Bắc Mê.

*** Cụm 2:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên;
- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 2 là 33,56 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Vị Xuyên hoàn toàn đủ khả năng xử lý;
- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm y tế huyện, TYT xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Vị Xuyên (trừ các xã thuộc cụm 1).

*** Cụm 3:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang;
- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 3 là 55,3 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Bắc Quang hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Bắc Quang.

*** Cụm 4:**

- Đơn vị xử lý: BVĐK huyện Quang Bình;
- Năng lực xử lý hiện tại: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ đốt (Lò đốt CP10, công suất xử lý 10-15 kg/giờ);
- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ).

Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 4 là 11,02 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Quang Bình hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Quang Bình.

*** Cụm 5:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần;
- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 5 là 27,17 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Xín Mần hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Xín Mần (trừ các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên).

*** Cụm 6:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa Nà Chì;
- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 6 là 2,7 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK Nà Chì đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên thuộc huyện Xín Mần.

*** Cụm 7:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Su Phì;
- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 7 là 30,19 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Hoàng Su Phì hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì.

*** Cụm 8:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê;

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng Hệ thống xử lý rác thải NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ. Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 8 là 13,76 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Bắc Mê hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Bắc Mê (trừ xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc).

*** Cụm 9:**

- Đơn vị xử lý: BVĐK huyện Quản Bạ;

- Năng lực xử lý hiện tại: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ đốt (Lò đốt CHUWASTAR FE-15, công suất 15-20 kg/giờ);

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ).

Tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 9 là 24,55 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Quản Bạ hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Quản Bạ.

*** Cụm 10:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh;

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 10 là 45,22 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Yên Minh hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Yên Minh và các xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Vần Chải thuộc huyện Đồng Văn.

*** Cụm 11:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn;

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ). Với tổng khối

lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 11 là 13,1 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Đồng Văn hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Đồng Văn (trừ các xã nêu tại Cụm 10 và Cụm 12) và xã Pải Lũng huyện Mèo Vạc.

*** Cụm 12:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc;

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát âm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 12 là 31,22 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Mèo Vạc đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Mèo Vạc (trừ các xã nêu tại Cụm 11) và các xã Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trá thuộc huyện Đồng Văn.

2.1.2. Đối với các cơ sở xử lý tại chỗ

Áp dụng mô hình xử lý tại chỗ đối với các cơ sở:

- Bệnh viện Y-Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang: xử lý CTYTNH phát sinh tại cơ sở bằng công nghệ đốt (Lò đốt chuyên dụng hiện có, công suất xử lý 10-15 kg/giờ);

- Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang: xử lý CTYTNH phát sinh tại cơ sở bằng công nghệ đốt (Lò đốt chuyên dụng với công suất xử lý 10-15 kg/giờ);

Tuy nhiên, hệ thống xử lý CTYTNH của Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang sẽ được đầu tư thay thế bằng công nghệ ma sát âm NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ (Đã lập dự án đầu tư, dự án được phê duyệt và dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).

- Trung tâm phòng chống HIV/AIDS: xử lý CTYTNH phát sinh tại cơ sở bằng Lò đốt công nghệ CELITRON-IS25, công suất xử lý 7 kg/giờ;

2.2. Kế hoạch thực hiện và phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm trên địa bàn tỉnh

2.2.1. Kế hoạch thực hiện

Cụm 1:

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và

xử lý CTYTNNH cho các bệnh viện, trung tâm y tế, TYT xã, phường và các CSYT khác trên địa bàn TP Hà Giang;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNNH cho các bệnh viện, trung tâm y tế, TYT xã, phường, Bệnh viện đa khoa Đức Minh và các CSYT khác trên địa bàn TP Hà Giang và CTYTNNH phát sinh tại các xã Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh thuộc huyện Vị Xuyên và xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc thuộc huyện Bắc Mê.

Cụm 2:

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNNH cho Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Vị Xuyên, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Vị Xuyên;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNNH cho Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Vị Xuyên.

Cụm 3:

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Bắc Quang, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Bắc Quang;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Bắc Quang.

Cụm 4:

(Đã lập dự án đầu tư, dự án được phê duyệt và dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018 – 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Bình, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Quang Bình;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Quang Bình.

Cụm 5:

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Cốc Pài, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Xín Mần (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên của huyện Xín Mần);

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Xín Mần (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên của huyện Xín Mần).

Cụm 6:

(Đã lập dự án đầu tư, dự án được phê duyệt và dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm sau khi được đầu tư hệ thống xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018 – 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại bệnh viện đa khoa Nà Chì;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên thuộc huyện Xín Mần.

Cụm 7:

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và

và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Vinh Quang, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì.

Cụm 8:

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Phú, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Bắc Mê (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc của huyện Bắc Mê);

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Bắc Mê (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc của huyện Bắc Mê).

Cụm 9:

(Đã lập dự án đầu tư, dự án đang chờ phê duyệt và dự kiến dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2019, 2020 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Tam Sơn, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Quản Bạ;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Quản Bạ.

Cụm 10:

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị

trần Yên Minh, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Yên Minh;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Yên Minh và các xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Vần Chải của huyện Đồng Văn.

Cụm 11:

(Đã lập dự án đầu tư, dự án được phê duyệt và dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm sau khi được đầu tư hệ thống xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Đồng Văn, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Đồng Văn;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Đồng Văn (trừ các xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Vần Chải, Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái của huyện Đồng Văn) và xã Pải Lũng của huyện Mèo Vạc.

Cụm 12:

(Đã lập dự án đầu tư, dự án đang chờ phê duyệt và dự kiến dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2019, 2020 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm sau khi được đầu tư hệ thống xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Mèo Vạc (trừ xã Pải Lũng của huyện Mèo Vạc) và các xã Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái của huyện Đồng Văn.

2.2.2. Phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại:

*** Phương thức thu gom, lưu giữ chất thải y tế nguy hại:**

Các cơ sở y tế phải thực hiện thu gom, lưu giữ chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT.

*** Phương thức vận chuyển chất thải y tế nguy hại:**

Việc vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở trong cụm đến cơ sở xử lý cho cụm theo phương thức cơ sở y tế trong cụm tự vận chuyển.

Phương tiện vận chuyển: Để phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh, sử dụng xe máy có gắn các thùng bảo ôn (đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT) để vận chuyển.

2.2.3. Kinh phí thực hiện.

Kinh phí thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại được lấy từ nguồn chi thường xuyên của các cơ sở y tế

2.3. Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
I	Các cụm xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh				
1	Cụm 1: BVĐK tỉnh Hà Giang	Tổ 10, Minh Khai	37 – 38 kg/h	TP Hà Giang; huyện Vị Xuyên (Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh), huyện Bắc Mê (xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
2	Cụm 2: BVĐK huyện Vị Xuyên	Tổ 10, TT Vị Xuyên	25 kg/h	Huyện Vị Xuyên (trừ xã trên cụm 1)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
3	Cụm 3: BVĐK huyện Bắc Quang	Tổ 1, TT Việt Quang	25 kg/h	Huyện Bắc Quang	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
4	Cụm 4: BVĐK huyện	Tổ 5, TT Yên Bình	10 – 15 kg/h	Huyện Quang Bình	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
	Quang Bình				
5	Cụm 5: BVĐK huyện Xín Mần	Tổ 4, TT Cốc Pài	25 kg/h	Huyện Xín Mần (trừ xã thuộc cụm 6)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
6	Cụm 6: BVĐK Nà Chì	Phố, Nà Chì	13 kg/h	Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
7	Cụm 7: BVĐK huyện Hoàng Su Phì	Tổ 3, TT Vinh Quang	25 kg/h	Huyện Hoàng Su Phì	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
8	Cụm 8: BVĐK huyện Bắc Mê	Tổ 1, TT Yên Phú	13 kg/h	Huyện Bắc Mê (trừ xã trên cụm 1)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
9	Cụm 9: BVĐK huyện Quản Bạ	Tổ 4, TT Tam Sơn	15 – 20 kg/h	Huyện Quản Bạ	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
10	Cụm 10: BVĐK huyện Yên Minh	Tổ 6, TT Yên Minh	25 kg/h	Huyện Yên Minh; huyện Đồng Văn (xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Văn Chải)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
11	Cụm 11: BVĐK huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT Đồng Văn	13 kg/h	Huyện Đồng Văn (trừ các xã Cụm 10, 12); huyện Mèo Vạc (xã Pải Lũng)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
12	Cụm 12: BVĐK huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT Mèo Vạc	13 kg/h	Huyện Mèo Vạc; huyện Đồng Văn (xã Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trá)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
II	Đơn vị tự xử lý				
1	Bệnh viện Y-Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	Tổ 8, Quang Trung	10 – 15 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom
2	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	Tổ 3, Minh Khai	10 – 15 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
	Hà Giang				
3	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Tổ 7, Quang Trung	7 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom
4	Các cơ sở khác được Sở Tài nguyên và Môi trường đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại				

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh: Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định; cân đối, bố trí đảm bảo kinh phí và nhân lực để thực hiện quản lý chất thải y tế nguy hại theo quy định.

- Hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý và xử lý chất thải y tế nguy hại của các cơ sở y tế theo thẩm quyền.

- Tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 58/2015/TT-BYT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường và quản lý chất thải của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và đầu tư

Tham mưu cho UBND tỉnh phương án cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sở Tài chính

Ban hành hướng dẫn thực hiện công tác thanh toán chi phí về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn.

- Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế và các đối tượng liên quan trên địa bàn quản lý. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất thải y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn quản lý.

6. Trách nhiệm của các cơ sở y tế

- Thực hiện quản lý chất thải y tế nguy hại theo nội dung Kế hoạch này và các văn bản pháp luật liên quan khác.

- Phân công lãnh đạo, khoa, phòng, cán bộ phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế của cơ sở.

- Lập và ghi đầy đủ thông tin vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định.

- Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế.

- Đối với các cơ sở thực hiện xử lý chất thải y tế cho cụm phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về phương tiện vận chuyển và thiết bị lưu chứa chất thải trên phương tiện vận chuyển theo quy định.

- Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 58/2015/TT-BYT-BTNMT.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh, kiến nghị gửi về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, điều chỉnh Kế hoạch./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến